

Số: 69B/QĐ-THSL

Sa Lông, ngày 13 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Giao dự bổ sung dự toán ngân sách năm 2025 của Trường PTDTBT Tiểu học Sa Lông

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh điều chỉnh và giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025, nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp, sát nhập và thực hiện chính quyền hai cấp.

Căn cứ quyết định số 20/NQ – HĐND ngày 04/10/2025 của Hội đồng nhân dân xã về việc giao dự toán thu chi ngân sách địa phương năm 2025, nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp, sát nhập và thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn xã Na Sang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết định bổ sung dự toán của Trường PTDTBT Tiểu học Sa Lông (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán Trường PTDTBT tiểu học Sa Lông, trường được giao dự toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Website trường PTDTBT TH Sa Lông
- Lưu KT, VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Xuân Vỹ

Đơn vị: PTDTBT TH Sa Long
Chương: 822

*Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số
90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm
2018 của Bộ Tài chính*

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

*(Số: 69B/QĐ-THSL, Sa Long, ngày 13 tháng 11 năm 2025 Trường PTDTBT Tiểu học Sa Long
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)*

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
2.2	Chi quản lý hành chính	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	265.021.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	265.021.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	107.598.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	157.423.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
11	Chi Chương trình mục tiêu	